

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên ngành đào tạo
 - + Tiếng Việt: **Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động thông tin – thư viện**
 - + Tiếng Anh: Education and professional development in library and information field
- Mã số môn học
- Bộ môn: Thư viện học
- Giảng viên phụ trách giảng dạy: PGS.TS. Nguyễn Hồng Sinh
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản (chung)

☐ Kiến thức cơ sở ngành

☒ Kiến thức chuyên ngành

☐ Luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ: 3 tín chỉ
 - + Lý thuyết: 1 tín chỉ (15 tiết)
 - + Thực hành: 1 tín chỉ (30 tiết)
 - + Thí nghiệm hoặc thảo luận:

2. Mô tả vắn tắt nội dung môn học (trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí môn học (đã học ở đại học chưa, đã học gì, ở trình độ thạc sĩ sẽ học gì, vị trí của môn học này trong CTĐT), kiến thức sẽ trang bị cho học viên, quan hệ với các môn học khác trong CTĐT).

- Vị trí và mục tiêu của môn học: Môn học cung cấp hiểu biết một cách hệ thống các vấn đề về hoạt động đào tạo, bao gồm giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo tiếp tục nguồn nhân lực cho hoạt động thông tin – thư viện (TT-TV). Theo đó, môn học giúp người học có hiểu biết cần thiết để tham gia và đóng góp cho hoạt động giáo dục chuyên nghiệp, cũng như triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ người làm công tác thư viện. Những nội dung này chưa được cung cấp trong bậc đào tạo đại học.

- Nội dung chính: (1) Các khái niệm và nội dung của hoạt động giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo tiếp tục, (2) Các chương trình giáo dục chuyên nghiệp ngành TT-TV hiện nay (3) Các yêu cầu và phương thức của hoạt động đào tạo tiếp tục cho người làm công tác thư viện hiện nay.

- Quan hệ với các môn học khác: môn học tiên quyết: Lãnh đạo và quản lý trong hoạt động thông tin – thư viện. Môn học bổ trợ: Thiết kế và quản lý dự án.

2. **Mục tiêu của môn học** (các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CĐR (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐN L (4)
G1	Cung cấp cho người học những hiểu biết về yêu cầu, thách thức, nội dung và phương thức giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo tiếp tục cho nguồn nhân lực của hoạt động TT-TV.	4.1.1 (PLO1)	5
G2	Hướng dẫn người học khám phá thực tiễn các hoạt động giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo tiếp tục trong lĩnh vực TT-TV.	4.2.4 (PLO7)	4
G3	Giúp người học thể hiện khả năng lựa chọn cũng như đưa ý tưởng cải tiến các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động TT-TV.	4.2.3 (PLO6)	4

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học

(2): Mô tả các mục tiêu

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng

4. **Chuẩn đầu ra môn học** (các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy)

CĐR (G.x.x) (1)	Mô tả CĐR (X.x.x.x) (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
G1.1	Phân biệt được nội dung và phương thức đào tạo chuyên nghiệp và đào tạo tiếp tục cho nguồn nhân lực của hoạt động TT-TV.	T
G2.1	Tổng hợp từ nhiều nguồn thông tin các đặc điểm và kinh nghiệm liên quan đến hoạt động giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo tiếp tục trong lĩnh vực TT-TV.	T,U
G3.1	Thiết lập một chương trình đào tạo tiếp tục cho nhân sự của một cơ quan TT-TV cụ thể.	T,U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4

(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

5. **Nội dung và Kế hoạch giảng dạy chi tiết**

(trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát. Trong từng chương ghi số tiết giảng lý thuyết, bài tập, thực hành (hoặc thí nghiệm, thảo luận), các hoạt động dạy và học. Để học viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những tài liệu tham khảo nào, ở đâu).

Buổi học	Nội dung	CĐR	Cách thức thực hiện	Bài đánh giá
1 Lý thuyết	Bài 1 Giáo dục chuyên nghiệp và ngành thông tin – thư viện	G1.1 G3.1	Hoạt động giảng dạy - Thuyết giảng - Trao đổi, đặt tình huống	A1.1 A1.2

	1.1 Các khái niệm liên quan đến giáo dục 1.2 Mục tiêu và môi trường giáo dục chuyên nghiệp ngành TT-TV tại Việt Nam và thế giới 1.3 Đặc điểm người học ngành TT-TV tại Việt Nam 1.4 Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục chuyên nghiệp ngành TT-TV tại Việt Nam và thế giới 1.5 Các giới hạn và hạn chế của giáo dục chuyên nghiệp		Hoạt động học - Dự lớp và tham gia trao đổi bài Hoạt động tự học: - Lập bản kế hoạch chi tiết cho các hoạt động cần thực hiện đối với môn học - Đọc - Tìm kiếm và truy cập vào các nguồn internet trình bày các chương trình đào tạo ngành TT-TV tại các trường đại học trong và ngoài nước - Đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến bài học	
2 + 3 Thực hành	<i>Bài tập A1.1:</i> Tổng quan phân tích các khái niệm và nội dung về giáo dục và đào tạo <i>Bài tập A1.2:</i> Chọn một trong hai phương án sau 1. Với vai trò là nhà tuyển dụng, nhận xét góp ý cho một CTĐT ngành TT-TV của Việt Nam 2. Với vai trò là người học, đối sánh và bình luận về một CTĐT trong nước và một CTĐT nước ngoài.	G1.1 G2.1	- Giảng viên hướng dẫn thực hiện bài tập; theo dõi và tư vấn học viên trong quá trình thực hiện bài tập qua các kênh tương tác trực tiếp và trực tuyến - Học viên thực hiện bài tập và tương tác với giảng viên khi cần hỗ trợ. - Học viên nộp bài tập cho giảng viên theo lịch quy định và nhận phản hồi từ giảng viên; từ đó bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện bài tập.	A1.1 A1.2
4 Lý thuyết	Bài 2 Đào tạo tiếp tục cho nguồn nhân lực lĩnh vực thông tin – thư viện	G2.1 G3.1	Hoạt động giảng dạy - Thuyết giảng - Trao đổi, đặt tình huống Hoạt động học	A2.1 A2.2

	2.1 Các quan điểm liên quan đến đào tạo tiếp tục 2.2 Yêu cầu và điều kiện đối với hoạt động đào tạo tiếp tục ở Việt Nam và thế giới 2.3 Các yếu tố tác động đến việc học tập tiếp tục của nhân sự làm công tác TT-TV 2.4 Tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo tiếp tục tại Việt Nam và thế giới		- Dự lớp và tham gia trao đổi bài Hoạt động tự học: - Đọc tài liệu - Tìm kiếm và truy cập vào các nguồn internet trình bày các hoạt động đào tạo tiếp tục trong và ngoài nước - Đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến bài học	
5 Thực hành	<i>Bài tập A2.1:</i> Nghiên cứu các trường hợp điển hình của thế giới về hoạt động đào tạo tiếp tục cho người làm công tác TT-TV, từ đó rút ra những kinh nghiệm có thể áp dụng cho Việt Nam	G2.1 G3.1	- Giảng viên hướng dẫn thực hiện bài tập; theo dõi và tư vấn học viên trong quá trình thực hiện bài tập qua các kênh tương tác trực tiếp và trực tuyến - Học viên thực hiện bài tập và tương tác với giảng viên khi cần hỗ trợ. - Học viên nộp bài tập cho giảng viên theo lịch quy định và nhận phản hồi từ giảng viên; từ đó bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện bài tập.	A2.1
6 Lý thuyết	Trình bày và thảo luận kết quả nghiên cứu	G1.1 G2.1 G3.1	- Học viên trình bày nội dung bài tập như một báo cáo chuyên đề - Thảo luận, phản biện nội dung trình bày	A2.1
7+8 Thực hành	<i>Bài tập A2.2:</i> Xây dựng đề án cho một chương trình/cách thức đào tạo tiếp tục áp dụng trong một cơ quan TT-TV cụ thể dựa trên việc tham khảo có	G2.1 G3.1	- Giảng viên hướng dẫn thực hiện bài tập; theo dõi và tư vấn học viên trong quá trình thực hiện bài tập qua các kênh tương tác trực tiếp và trực tuyến - Học viên thực hiện bài tập và tương tác với	A2.2

	chọn lọc kinh nghiệm của thế giới		giảng viên khi cần hỗ trợ. - Học viên nộp bài tập cho giảng viên theo lịch quy định và nhận phản hồi từ giảng viên; từ đó bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện bài tập.	
9 Lý thuyết	Thuyết trình và thảo luận	G1.1 G2.1 G3.1	- Học viên trình bày nội dung bài tập như một báo cáo chuyên đề - Thảo luận, phản biện nội dung trình bày - Nêu các vấn đề phát hiện trong thực tiễn cần được tiếp tục tìm hiểu.	A2.2

6. Phương pháp đánh giá môn học (trong đó quy định số lần kiểm tra, bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá).

Các bài đánh giá

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x) (2)	CĐR môn học (3)	Tỷ lệ (4)
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Bài tổng quan phân tích lý luận	G1.1, G2.1	25
	A1.2 Phản biện chương trình giáo dục	G1.1, G2.1	25
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Tổng hợp và đánh giá kinh nghiệm	G2.1, G3.1	25
	A2.2 Đề án chương trình đào tạo tiếp tục	G2.1, G3.1	25

Tiêu chí và thang điểm đánh giá cho các bài đánh giá A1 và A2 (Rubric)

Chuẩn đánh giá/thang điểm

- + Mức 1 - Xuất sắc: 9 – 10 điểm
- + Mức 2 - Giỏi: 8 và 8,5 điểm
- + Mức 3 - Khá: 7 và 7,5 điểm
- + Mức 4 - Trung bình: 5 – 6,5 điểm
- + Mức 5 - Không đạt: dưới 5 điểm

A 1.1 Đánh giá giữa kỳ

Cấu trúc đề thi:

- Học viên sử dụng ít nhất 10 tài liệu cho tổng quan
- Học viên làm tổng quan bài A1.1

Chuẩn đầu ra cần đánh giá: G1.1, G2.1

Thời điểm nộp: Theo kế hoạch tại mục 6

Điểm cộng: Hình thức và văn phong +0,5. (văn bản đẹp, phù hợp, đúng chính tả và ngữ pháp, trích dẫn đúng quy định)

Mức đánh giá: 25% điểm môn học

Tiêu chí đánh giá		Thang điểm đánh giá				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
Mô tả	<i>Nêu các khái niệm</i>	Nêu đầy đủ và đúng các khái	Nêu chưa đầy đủ các khái	Nêu thiếu các khái niệm và nội	Nêu thiếu các khái	Nêu chưa đúng các

tiêu chí	<i>và nội dung 20% G1.1</i>	niệm và nội dung	niệm và nội dung	dung quan trọng	niệm và nội dung	khái niệm và nội dung
	<i>Phân tích các khái niệm và nội dung 50% G1.1</i>	Phân tích sâu sắc và minh hoạ cụ thể, rõ ràng, đầy đủ	Có phân tích và minh hoạ đầy đủ	Có phân tích và hoạ nhưng chưa đầy đủ	Các phân tích và minh hoạ chưa chính xác	Thiếu phân tích và minh hoạ
	<i>Tổng hợp tài liệu sử dụng cho việc tổng quan 30% G2.1</i>	Nhiều hơn số lượng yêu cầu; nội dung cập nhật, có độ phù hợp cao, phong phú; tác giả uy tín	Đúng số lượng yêu cầu; nội dung cập nhật, có độ phù hợp cao, phong phú	Ít hơn 2 so với số lượng yêu cầu; nội dung có độ phù hợp cao, phong phú	Ít hơn số lượng yêu cầu; nội dung phù hợp, phong phú;	Ít hơn số lượng yêu cầu; nội dung có độ phù hợp chưa cao

A 1.2 Đánh giá giữa kỳ

Cấu trúc đề thi:

- Học viên thực hiện phản biện Chương trình giáo dục chuyên nghiệp. Chọn một trong hai phương án sau

1. Với vai trò là nhà tuyển dụng, nhận xét góp ý cho một CTĐT ngành TT-TV của Việt Nam

2. Với vai trò là người tư vấn giáo dục, đối sánh và bình luận về một CTĐT ngành TT-TV trong nước và một CTĐT nước ngoài.

- Chuẩn đầu ra cần đánh giá: G1.1, G2.1

Thời điểm nộp: Theo kế hoạch tại mục 6

Điểm cộng: Hình thức và văn phong +0,5. (văn bản đẹp, phù hợp, đúng chính tả và ngữ pháp, trích dẫn đúng quy định)

Mức đánh giá: 25% điểm môn học

Tiêu chí đánh giá		Thang điểm đánh giá				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
Mô tả tiêu chí	<i>Tìm chọn CTĐT 20% G2.1</i>	Chọn CTĐT có đầy đủ thông tin để phân tích, nêu lý do lựa chọn	Chọn CTĐT có đầy đủ thông tin để phân tích	Chọn CTĐT có đủ thông tin giúp phân tích	Chọn CTĐT có phần chưa đủ thông tin	Chọn CTĐT thiếu nhiều thông tin
	<i>Phân tích các yếu tố của CTĐT 50% G1.1</i>	Phân tích đầy đủ các yếu tố, cụ thể và sâu sắc	Phân tích đầy đủ các yếu tố, có phần chưa cụ thể và sâu sắc	Phân tích có phần chưa đầy đủ các yếu tố, cụ thể, sâu sắc	Phân tích chưa đầy đủ	Phân tích sơ sài
	<i>Đánh giá CTĐT 30% G1.1</i>	Đánh giá đầy đủ các yếu tố, chính xác, thuyết phục	Đánh giá đầy đủ, có phần chưa chính xác, thuyết phục	Đánh giá có phần chưa đầy đủ, chính xác, thuyết phục	Đánh giá chưa đầy đủ, có phần thiếu chính xác, thuyết phục	Đánh giá sơ sài

A2.1 Đánh giá cuối kỳ**Cấu trúc đề thi:**

- Học viên lựa chọn ít nhất 2 trường hợp điển hình qua các nguồn internet
- Nghiên cứu các trường hợp điển hình để (1) mô tả và phân tích một cách hệ thống cách tổ chức đào tạo tiếp tục của thế giới (2) rút ra những kinh nghiệm có thể áp dụng vào thực tiễn Việt Nam

Chuẩn đầu ra cần đánh giá: G2.1, G3.1

Thời điểm nộp: Theo kế hoạch tại mục 6

Điểm cộng: Hình thức và văn phong +0,5. (văn bản đẹp, phù hợp, đúng chính tả và ngữ pháp, trích dẫn đúng quy định)

Mức đánh giá: 25% điểm môn học

Tiêu chí đánh giá		Thang điểm đánh giá				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
Mô tả tiêu chí	<i>Mô tả và phân tích</i> 50% G2.1	Mô tả đầy đủ, chi tiết kèm theo các phân tích giúp hiểu rõ đặc điểm của các hoạt động đào tạo tiếp tục	Mô tả đầy đủ, có phần chưa chi tiết, có kèm theo các phân tích giúp hiểu đặc điểm của các hoạt động đào tạo tiếp tục	Mô tả có phần chưa đầy đủ, chi tiết, có kèm theo các phân tích đặc điểm của các hoạt động đào tạo tiếp tục	Mô tả chưa đầy đủ, chi tiết, các phân tích chưa giúp hiểu đầy đủ các hoạt động đào tạo tiếp tục	Mô tả chưa đầy đủ, chi tiết, thiếu phân tích giúp hiểu về các hoạt động đào tạo tiếp tục
	<i>Rút ra những kinh nghiệm</i> 30% G3.1	Tổng hợp đầy đủ các kinh nghiệm có thể vận dụng, và có lý giải rõ ràng	Tổng hợp đầy đủ các kinh nghiệm có thể vận dụng, và có lý giải	Tổng hợp một số kinh nghiệm nổi bật có thể vận dụng, và có lý giải rõ ràng	Tổng hợp một số kinh nghiệm có thể vận dụng, và có lý giải	Tổng hợp và lý giải sơ sài
	<i>Lựa chọn nguồn nghiên cứu</i> 20% G2.1	Nhiều hơn số lượng yêu cầu; giải thích thuyết phục sự lựa chọn,	Đúng số lượng yêu cầu; có giải thích sự lựa chọn,	Ít hơn so với số lượng yêu cầu; giải thích thuyết phục sự lựa chọn,	Ít hơn so với số lượng yêu cầu; có giải thích sự lựa chọn,	Ít hơn số lượng yêu cầu; giải thích không thoả đáng sự lựa chọn

A 2.2 Đánh giá cuối kỳ						
Cấu trúc đề bài: - Học viên đề xuất đề án triển khai một chương trình/cách thức đào tạo tiếp tục cho nhân sự của một cơ quan TT-TV dựa trên sự tham khảo chọn lọc các kinh nghiệm từ thế giới - Chuẩn đầu ra cần đánh giá: G2.1, G3.1 Thời điểm nộp: Theo kế hoạch tại mục 6 Mức đánh giá: 25% điểm môn học						
Tiêu chí đánh giá		Thang điểm đánh giá				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
Mô tả tiêu chí	<i>Ý tưởng đề án trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm thế giới (30%) G2.1</i>	Ý tưởng rõ ràng, thuyết phục, có cơ sở từ việc phân tích kinh nghiệm và bối cảnh thực tiễn	Ý tưởng rõ ràng có cơ sở từ việc phân tích kinh nghiệm và bối cảnh thực tiễn	Ý tưởng rõ ràng có cơ sở từ việc phân tích kinh nghiệm	Ý tưởng có phần chưa rõ ràng, có cơ sở từ việc phân tích kinh nghiệm	Ý tưởng chưa rõ ràng, cơ sở từ việc phân tích kinh nghiệm và bối cảnh thực tiễn chưa thuyết phục
	<i>Cách triển khai đề án (40%) G3.1</i>	-Bao phủ các yếu tố cần thiết để triển khai đề án -Cách thức triển khai cụ thể bao gồm cả nguồn lực, thời lượng, quy cách, chuẩn cần đạt	-Bao phủ các yếu tố cần thiết để đảm bảo triển khai đề án -Cách thức triển khai có phần chưa cụ thể	-Bao phủ chưa đủ các yếu tố cần thiết -Cách thức triển khai có phần chưa cụ thể	-Thiếu các yếu tố chính yếu -Cách thức triển khai có phần cụ thể	-Bao phủ các yếu tố chưa phù hợp -Cách thức triển khai chưa cụ thể
	<i>Tính khả thi của đề án (30%) G3.1</i>	Cung cấp thông tin và lý giải khẳng định tính khả thi	Cung cấp thông tin cho thấy tính khả thi	Cung cấp thông tin và lý giải chưa đầy đủ	Cung cấp thông tin; thiếu lý giải	Thiếu thông tin

7. Tài liệu học tập (ghi rõ những sách, tạp chí và tư liệu thông tin liên quan đến môn học)

Tài liệu học tập chính

Sách tham khảo – Có thể truy cập trực tuyến

[1] Wood A. (2005). *A comprehensive library staff training programme in the information age*. Oxford: Chandos. Truy cập tại

https://books.google.com.vn/books?hl=vi&lr=&id=hVmpAgAAQBAJ&oi=fnd&pg=PP1&dq=A+comprehensive+library+staff+training+programme&ots=Sbr8EYxBzL&sig=JQOhl4ahuc_ZBqV31n1FzIZqH_o&redir_esc=y#v=onepage&q=A%20comprehensive%20library%20staff%20training%20programme&f=false

[2] Armstrong, M. (2006). *A Handbook of Human Resource Management Practice*. Kogan Page Limited truy cập tại <http://www.untag->

Tài liệu tham khảo – Các tài liệu này có tại thư viện Trường

- [3] Anyim, W. O. (2021). Cross-training and development of librarians for effective job performance in university libraries: Methods, challenges and prospects. *Library Philosophy and Practice* (e-journal), 5220, 1-13.
- [4] Barbuti, N., Di Giorgio, S., & Valentini, A. (2019). The project BIBLIO–boosting digital skills and competencies for librarians in Europe: An innovative training model for creating digital librarian. *International Information & Library Review*, 51(4), 300-304.
- [5] Avhad, P. E., & Shukla, K. H. (2020). Need for education & training of lis professionals in electronic era. *International e-Journal of Library Science*, 8(1), 25-30
- [6] Moen, M. H., Mandel, L. H., & Karno, V. (2020). Continuing education for public library staff: Valued competencies and preferred delivery format. *Education for Information*, 36(2), 177-198.
- [7] Xue, C., Wu, X., Zhu, L., & Chu, H. (2019). Challenges in LIS education in China and the United States. *Journal of Education for Library and Information Science*, 60(1), 35-61.
- [8] Gunasekera, C. (2021). Continuing professional development for library professionals in Sri Lanka: University libraries perspectives. *Library Philosophy and Practice*, , 1-21.
- [9] Saunders, L., & Bajjaly, S. (2022). The importance of soft skills to LIS education. *Journal of Education for Library and Information Science*, 63(2), 187-215.
- [10] Raju, J. (2020). Future LIS education and evolving global competency requirements for the digital information environment: An epistemological overview. *Journal of Education for Library and Information Science*, 61(3), 342-356.

8. Cơ chế đảm bảo chất lượng

- Hai tuần trước khi chính thức triển khai giảng dạy, giảng viên cung cấp bản Đề cương cập nhật cho Trưởng bộ môn (các mục có thể cập nhật nếu cần gồm nội dung bài giảng, tài liệu học tập, hoạt động dạy và học, hoạt động đánh giá).
- Một tuần trước buổi học đầu tiên của môn học, giáo vụ cung cấp bản Đề cương cho người học.
- Một tuần trước khi thực hiện các bài đánh giá, giảng viên cung cấp Bộ tài liệu đánh giá bao gồm Đề bài, Đáp án và Ma trận phân tích sự tương thích giữa nội dung đánh giá và chuẩn đầu ra môn học. Trưởng bộ môn duyệt Bộ tài liệu đánh giá.

TRƯỞNG BỘ MÔN
(ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Hồng Sinh

TP.HCM, ngày 27 tháng 7 năm 2022
TRƯỞNG KHOA
(ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Hồng Sinh